

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ LÁCH
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2024/HS-ST
Ngày: 03- 12 -2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ LÁCH, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Bùi Thị Thúy Bắc

Bà Huỳnh Thị Kim Trúc Ly

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Cường -Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Tín - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 12 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 41/2024/TLST-HS ngày 11 tháng 10 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2022/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 11 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Đặng Kim N;**

Giới tính: Nữ.

- Tên gọi khác: Không.

- Sinh ngày: 14/7/1972 tại tỉnh Bến Tre.

- Nơi cư trú: số nhà F ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre.

- Quốc tịch: Việt Nam; - Dân tộc: Kinh; - Tôn giáo: Không.

- Nghề nghiệp: Nội trợ;

- Trình độ học vấn: 08/12.

- Con ông Đặng Công D (đã chết) và bà Võ Thị B (đã chết).

- Họ và tên chồng: Trần Văn T (đã chết).

- Bị cáo có 02 người con, lớn nhất sinh năm 1995, nhỏ nhất sinh năm 2008.

- Tiền án: Không.

- Tiền sự: 01 tiền sự

Ngày 24/11/2022, bị cáo bị Công an xã V, huyện C, Bến Tre ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Đánh bạc trái phép” với số tiền 1.500.000 đồng, bị cáo đã nộp phạt ngày 04/7/2023.

- Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh từ ngày 31/7/2024 cho đến nay.

2. Họ và tên: **Trần Thị Mỹ L;**

Giới tính: Nữ.

- Tên gọi khác: Không.

- Sinh ngày: 01/01/1960 tại tỉnh Bến Tre.

- Nơi cư trú: số nhà A ấp L, xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre.

- Quốc tịch: Việt Nam; - Dân tộc: Kinh; - Tôn giáo: Không.

- Nghề nghiệp: Làm vườn;

- Trình độ học vấn: Không biết chữ.

- Con ông Phạm Văn C (đã chết) và bà Trần Thị D1 (còn sống).

- Họ và tên chồng: Phạm Văn S (đã chết).

- Bị cáo có 03 người con, lớn nhất sinh năm 1976, nhỏ nhất sinh năm 1981.

- Tiền án: Không.

- Tiền sự: 01 tiền sự

Ngày 24/11/2022, bị cáo bị Công an xã V, huyện C, Bến Tre ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Đánh bạc trái phép” với số tiền 1.500.000 đồng, bị cáo đã nộp phạt ngày 07/02/2023.

- Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh từ ngày 31/7/2024 cho đến nay.

3. Họ và tên: **Đỗ Thị Kiều T1;**

Giới tính: Nữ.

- Tên gọi khác: Không.

- Sinh ngày: 26/3/1989 tại tỉnh Bến Tre.

- Nơi cư trú: ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Nơi ở hiện tại: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre.

- Quốc tịch: Việt Nam; - Dân tộc: Kinh; - Tôn giáo: Không.

- Nghề nghiệp: Làm thuê;

- Trình độ học vấn: Không biết chữ.

- Con ông Đỗ Văn N1 và bà Huỳnh Thị T2 (đã chết).

- Họ và tên chồng: Cao Tấn Đ

- Bị cáo có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2008, nhỏ nhất sinh năm 2012.

- Tiền án: Không.

- Tiền sự: 01 tiền sự

Ngày 30/3/2023, bị cáo bị Công an xã V, huyện C, Bến Tre ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Đánh bạc trái phép” với số tiền 1.500.000 đồng, bị cáo đã nộp phạt ngày 30/3/2023.

- Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh từ ngày 31/7/2024 cho đến nay.

Các bị cáo có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Đỗ Thị Kiều T1:*

Bà Trần Thị Bích T3 – Trợ giúp viên Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh B. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà Đỗ Thị H, sinh năm: 1965; địa chỉ: ấp L, xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre. Có mặt.

+ Bà Kiên Ngọc D2, sinh năm: 1967; địa chỉ: ấp L, xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre. Có mặt.

+ Bà Lê Thị Lệ T4, sinh năm: 1963; địa chỉ: ấp L, xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre. Có mặt.

+ Ông Đỗ Văn N2, sinh năm: 1963; địa chỉ: ấp L, xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre. Có mặt.

+ Ông Võ Văn H1, sinh năm: 1984; địa chỉ: ấp P, xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt.

+ Ông Trần Văn V, sinh năm: 1957; địa chỉ: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre. Có mặt.

+ Ông Đỗ Văn N3, sinh năm: 1968; địa chỉ: ấp L, xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt.

+ Ông Phạm Văn D3, sinh năm: 1956; địa chỉ: ấp L, xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre. Có mặt.

- *Người làm chứng:*

+ Bà Phạm Thị T5, sinh năm: 1948; địa chỉ: ấp L, xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt.

+ Ông Đỗ Cù H2, sinh năm: 1984; địa chỉ: ấp L, xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt.

+ Bà Phạm Thị Hồng N4, sinh năm: 2002; địa chỉ: ấp L, xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 15 giờ 10 phút ngày 16/12/2023, Công an xã V, huyện C tiến hành kiểm tra đã phát hiện tại nhà của bà Đỗ Thị H có nhiều người đang đánh bạc ăn thua bằng tiền bao gồm 02 chiếu bạc.

Chiếu bạc thứ nhất: Đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức bài binh Ấn Độ 06 lá, chia làm 07 tụ, mỗi ván chọn ra một người làm cái và những người còn lại đặt tiền ăn thua trực tiếp với tụ cái. Số tiền đặt cược mỗi ván là 10.000 đồng, nếu thắng thì được 10.000 đồng, thua thì mất 10.000 đồng, hòa thì không được tiền và cũng không mất tiền. Chiếu bạc này có 07 người tham gia gồm: Đỗ Thị H, Đỗ Thị Kiều T1, Trần Thị Mỹ L, Kiên Ngọc D2, Lê Thị Lệ T4, Đỗ Văn N2 và Võ Văn H1. Trong đó, Đỗ Thị Kiều T1 tham gia chơi 01 ván bài do bà H làm cái, T1 tham gia vào tụ bài của bà H để thắng thua với bà D2 số tiền 10.000 đồng, kết quả hòa nên T1 không thắng cũng không thua tiền. Trần Thị Mỹ L tham gia chơi 01 ván bài, ván bài này L bắt tụ bài của bà D2 để thắng thua với tụ bài do ông N2 làm cái, kết quả hòa nên L không thắng cũng không thua tiền. Số tiền mà các đối tượng mang theo và dự định sẽ dùng vào việc đánh bạc gồm: Đỗ Thị H 100.000 đồng, Đỗ Thị Kiều T1 10.000 đồng, Trần Thị Mỹ L 26.000 đồng, Kiên Ngọc D2 160.000 đồng, Lê Thị Lệ T4 70.000 đồng, Đỗ Văn N2 20.000 đồng và Võ Văn H1 80.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền của những người tham gia đánh bạc sử dụng vào mục đích đánh bạc là 466.000 đồng. Lực lượng Công an xã V thu giữ tại chiếu bạc thứ nhất số tiền 140.000 đồng.

Chiếu bạc thứ hai: Đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức đánh bài tiến lên, chia làm 04 tụ, mỗi người 13 lá, ván bài kết thúc khi có 03 người chơi đã đánh hết bài trên tay. Cách tính thắng thua: sau khi ván bài kết thúc, người về cuối cùng trả cho người về nhất 10.000 đồng, người về thứ ba trả cho người về thứ nhì 5.000 đồng. Chiếu bạc này có 04 người tham gia gồm: Trần Văn V, Đỗ Văn N3, Phạm Văn D3 và Đặng Kim N.

Trước khi bắt đầu đánh bạc, bà H có hứa cho bị cáo Đặng Kim N mượn số tiền 200.000 đồng để đánh bạc nhưng bà H chưa đưa tiền cho bị cáo N mượn. Trong quá trình đánh bài, những người còn lại cũng đồng ý cho bị cáo N thiếu tiền khi N đánh bạc thua. Đến khi bị lực lượng Công an xã V lập biên bản sự việc, bị cáo N thua bạc số tiền là 50.000 đồng. Số tiền mà các đối tượng mang theo và dự định sẽ dùng vào việc đánh bạc gồm: Trần Văn V 100.000 đồng, Đỗ Văn N3 110.000 đồng, Phạm Văn D3 200.000 đồng và Đặng Kim N 200.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền của những người tham gia đánh bạc sử dụng đánh bạc là 610.000 đồng.

Tổng số tiền các đối tượng dùng để đánh bạc tại hai chiếu bạc là: 466.000 đồng + 610.000 đồng = 1.076.000 đồng.

Quá trình điều tra, các bị cáo Đặng Kim N, Trần Thị Mỹ L và Đỗ Thị Kiều T1 đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình là phù hợp với những chứng cứ đã thu thập được.

Vật chứng vụ án thu giữ gồm:

- + 02 bộ bài tây, mỗi bộ 52 lá, đã qua sử dụng;
- + Số tiền 140.000 đồng (thu giữ tại nơi đánh bạc);
- + Số tiền 220.000 đồng do Phạm Văn D3 giao nộp;
- + Số tiền 110.000 đồng do Đỗ Văn N3 giao nộp;
- + Số tiền 120.000 đồng do Kiên Ngọc D2 giao nộp;
- + Số tiền 80.000 đồng do Trần Văn V giao nộp;
- + Số tiền 50.000 đồng do Lê Thị Lệ T4 giao nộp;
- + Số tiền 40.000 đồng do Võ Văn H1 giao nộp;
- + Số tiền 10.000 đồng do Đỗ Thị Kiều T1 giao nộp;
- + Số tiền 26.000 đồng do Trần Thị Mỹ L giao nộp;
- + Số tiền 200.000 đồng do Đặng Kim N giao nộp;
- Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã thu giữ và trao trả lại những tài sản không phải là vật chứng của vụ án cho chủ sở hữu, gồm:

- + Trả lại cho bà Đỗ Thị H số tiền 3.018.000 đồng;
- + Trả lại cho ông Đỗ Văn N2 số tiền 929.000 đồng;
- + Trả lại cho ông Phạm Văn D3 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A03s;

- + Trả lại cho ông Đỗ Văn N3 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đen, loại phím nhấn, số IMEI 1: 357282054935880, số IMEI 2: 357282054935898, đã qua sử dụng;

- + Trả lại cho bà Kiên Ngọc D2 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A54;
- + Trả lại cho ông Trần Văn V 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đen, số IMEI: 353120119146123, đã qua sử dụng;

- + Trả lại cho bị cáo Đặng Kim N 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu xanh trắng và 01 xe mô tô hai bánh nhãn hiệu Suzuki, số loại Hayate biển số 71C4 - 016.25;

Bản cáo trạng số: 44/CT-VKSCL ngày 10/10/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre truy tố các bị cáo Đặng Kim N, Trần Thị Mỹ L và Đỗ Thị Kiều T1 về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Lách, Bến Tre vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố về tội danh, điều luật áp dụng. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo như:

Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Đặng Kim N, Trần Thị Mỹ L và Đỗ Thị Kiều T1 phạm tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt các bị cáo Đặng Kim N, Trần Thị Mỹ L và Đỗ Thị Kiều T1 từ 06 tháng đến 09 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng.

Hình phạt bổ sung: phạt tiền mỗi bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47, Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy:

02 bộ bài tây, mỗi bộ 52 lá, đã qua sử dụng;

Đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu sung quỹ nhà nước: tổng số tiền 996.000 đồng của các đối tượng gồm:

- + Số tiền 140.000 đồng (thu giữ tại nơi đánh bạc);
- + Số tiền 220.000 đồng do Phạm Văn D3 giao nộp;
- + Số tiền 110.000 đồng do Đỗ Văn N3 giao nộp;
- + Số tiền 120.000 đồng do Kiên Ngọc D2 giao nộp;
- + Số tiền 80.000 đồng do Trần Văn V giao nộp;
- + Số tiền 50.000 đồng do Lê Thị Lệ T4 giao nộp;
- + Số tiền 40.000 đồng do Võ Văn H1 giao nộp;
- + Số tiền 10.000 đồng do Đỗ Thị Kiều T1 giao nộp;
- + Số tiền 26.000 đồng do Trần Thị Mỹ L giao nộp;
- + Số tiền 200.000 đồng do Đặng Kim N giao nộp;

- Ghi nhận Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C đã trả lại các tài sản cho các chủ sở hữu theo quy định, gồm:

- + Trả lại cho bà Đỗ Thị H số tiền 3.018.000 đồng;
- + Trả lại cho ông Đỗ Văn N2 số tiền 929.000 đồng;
- + Trả lại cho ông Phạm Văn D3 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung

Galaxy A03s;

+ Trả lại cho ông Đỗ Văn N3 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đen, loại phím nhấn, số IMEI 1: 357282054935880, số IMEI 2: 357282054935898, đã qua sử dụng;

+ Trả lại cho bà Kiên Ngọc D2 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A54;

+ Trả lại cho ông Trần Văn V 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đen, số IMEI: 353120119146123, đã qua sử dụng;

+ Trả lại cho bị cáo Đặng Kim N 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu xanh trắng và 01 xe mô tô hai bánh nhãn hiệu Suzuki, số loại Hayate biên số 71C4 - 016.25;

Tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo Đỗ Thị Kiều T1 tranh luận: Thống nhất về tội danh, điều luật mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo Đỗ Thị Kiều T1. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo T1 do hiện nay bị cáo T1 đang nuôi hai người con nhỏ sinh năm 2008 và sinh năm 2010; bị cáo T1 còn phải cấp dưỡng cho một người con tên Cao Đỗ Tường V1 sinh năm 2012 (cháu V1 hiện đang sống với chồng bị cáo). Ngoài ra, bị cáo T1 còn đang chăm sóc di ruột của bị cáo đang bệnh nặng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo T1 mức hình phạt thấp nhất mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị. Đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo T1 do hoàn cảnh kinh tế của bị cáo T1 hiện nay khó khăn như trình bày trên.

Các Bị cáo không tranh luận.

Lời nói sau cùng của các bị cáo:

Bị cáo N, bị cáo L không nói lời nói sau cùng.

Bị cáo T1 nói lời nói sau cùng: Bị cáo biết lỗi và rất hối hận về hành vi phạm tội của mình, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Lách, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Vào khoảng 15 giờ 10 phút ngày 16/12/2023, Công an xã V, huyện C tiến hành kiểm tra đã phát hiện tại nhà của bà Đỗ Thị H có nhiều người đang đánh bạc ăn thua bằng tiền bao gồm 02 chiếu bạc. Chiếu bạc thứ nhất gồm: Đỗ Thị H, Đỗ Thị Kiều T1, Trần Thị Mỹ L, Kiên Ngọc D2, Lê Thị Lệ T4, Đỗ Văn N2 và Võ Văn H1 đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức bài binh Ấn Độ 06 lá. Lực lượng Công an xã V thu giữ tại chiếu bạc thứ nhất số tiền 140.000 đồng. Số tiền mà các đối tượng mang theo và dự định sẽ dùng vào việc đánh bạc gồm: Đỗ Thị H 100.000 đồng, Đỗ Thị Kiều T1 10.000 đồng, Trần Thị Mỹ L 26.000 đồng, Kiên Ngọc D2

160.000 đồng, Lê Thị Lệ T4 70.000 đồng, Đỗ Văn N2 20.000 đồng và Võ Văn H1 80.000 đồng. Tổng số tiền sử dụng vào mục đích đánh bạc là 466.000 đồng.

Chiều bạc thứ hai: Đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức đánh bài tiến lên, chia làm 04 tụ, mỗi người 13 lá, gồm: Trần Văn V, Đỗ Văn N3, Phạm Văn D3 và Đặng Kim N. Số tiền mà các đối tượng mang theo và dự định sẽ dùng vào việc đánh bạc gồm: Trần Văn V 100.000 đồng, Đỗ Văn N3 110.000 đồng, Phạm Văn D3 200.000 đồng và Đặng Kim N 200.000 đồng. Tổng số tiền sử dụng đánh bạc là 610.000 đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo cũng thừa nhận việc tham gia đánh bạc tại nhà bà Đỗ Thị H. Bà Đỗ Thị H cũng như những người liên quan đều thừa nhận vấn đề này. Điều này cũng phù hợp với biên bản làm việc về lĩnh vực an ninh trật tự, an toàn xã hội, phòng chống tệ nạn xã hội ngày 16/12/2023 của Công an xã V, lời trình bày của những người làm chứng.

Tại phiên tòa, các bị cáo Đặng Kim N, Trần Thị Mỹ L và Đỗ Thị Kiều T1 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng với các tình tiết có liên quan đến vụ án. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra như biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung bị can, lời khai của những người làm chứng cũng như vật chứng thu giữ, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ cơ sở khẳng định vào khoảng 15 giờ 10 phút ngày 16/12/2023, các bị cáo Đặng Kim N, Trần Thị Mỹ L và Đỗ Thị Kiều T1 cùng các đối tượng khác tham gia đánh bạc ăn thua bằng tiền thì bị lực lượng chức năng bắt quả tang. Đến thời điểm bị bắt quả tang thì các bị cáo Đỗ Thị Kiều T1, Trần Thị Mỹ L cùng Đỗ Thị H, Kiên Ngọc D2, Lê Thị Lệ T4, Đỗ Văn N2 và Võ Văn H1 đánh bạc được ăn thua bằng tiền thu giữ tại chiều bạc thứ nhất số tiền 140.000 đồng. Tổng số tiền các bị cáo Đỗ Thị Kiều T1, Trần Thị Mỹ L cùng Đỗ Thị H, Kiên Ngọc D2, Lê Thị Lệ T4, Đỗ Văn N2 và Võ Văn H1 sử dụng vào mục đích đánh bạc là 466.000 đồng.

Bị cáo Đặng Kim N cùng Trần Văn V, Đỗ Văn N3, Phạm Văn D3. đánh bạc được ăn thua bằng tiền là 610.000 đồng. Tuy số tiền đánh bạc của các bị cáo Đặng Kim N, Trần Thị Mỹ L và Đỗ Thị Kiều T1 chưa đến 5.000.000 đồng nhưng các bị cáo đã có một tiền sự về hành vi đánh bạc chưa được xóa tiền sự mà tiếp tục thực hiện hành vi đánh bạc. Do đó, hành vi trên của các bị cáo Đặng Kim N, Trần Thị Mỹ L và Đỗ Thị Kiều T1 đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Lách truy tố các bị cáo Đặng Kim N, Trần Thị Mỹ L và Đỗ Thị Kiều T1 với tội danh, điều khoản nêu trên là đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật, không oan cho các bị cáo. Lời luận tội của Đại diện Viện kiểm sát là có đủ cơ sở nên được chấp nhận.

[3] Về tính chất, mức độ của vụ án:

Các Bị cáo có đủ khả năng nhận thức được hành vi cũng như hậu quả do hành vi của mình gây ra, nhưng vì mục đích tư lợi (muốn có được tiền nhưng không phải do lao động chân chính) và nhất là xem thường pháp luật nên các bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Bởi lẽ hành vi “Đánh bạc” là một trong những tệ nạn xã hội được pháp luật nghiêm cấm, cần phải bài trừ, vì đó là một trong những nguyên nhân dẫn đến các tệ nạn khác, là nguyên nhân làm ảnh hưởng tới hạnh phúc gia đình. Tại phiên tòa, các bị cáo đều thừa nhận về việc chơi đánh bạc ăn thua bằng tiền với nhau. Hành vi của các bị cáo trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Các Bị cáo biết việc đánh bạc bị pháp luật nghiêm cấm (vì trước đây các bị cáo đã bị xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc) nhưng các bị cáo không cải sửa mà vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện nhằm răn đe cũng như nhằm phòng ngừa chung.

Đối với hành vi của bà Đỗ Thị H cho người khác sử dụng nhà của mình tổ chức 02 chiều bạc với hơn 10 người tham gia đánh bạc nhưng tổng số tiền dùng đánh bạc dưới 5.000.000 đồng. Đồng thời, bà Đỗ Thị H chưa bị xử phạt vi phạm hành chính và chưa bị kết án về hành vi đánh bạc, tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc nên hành vi của bà Đỗ Thị H không cấu thành tội “Tổ chức đánh bạc” hoặc “Gá bạc”. Đối với hành vi đánh bạc của bà Đỗ Thị H, Kiên Ngọc D2, Lê Thị Lệ T4, Đỗ Văn N2, Võ Văn H1, Trần Văn V, Đỗ Văn N3 và Phạm Văn D3 số tiền đánh bạc dưới 5.000.000 đồng nhưng các ông, bà chưa bị xử phạt vi phạm hành chính và chưa bị kết án về hành vi đánh bạc, tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc nên hành vi không đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc”. Ngày 28/8/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã tách hồ sơ có liên quan chuyển cho người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính để ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Đánh bạc trái phép”. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với số tiền dùng vào việc đánh bạc của bà Đỗ Thị H còn 60.000 đồng và của bà Kiên Ngọc D2 còn 20.000 đồng chưa giao nộp, do đó buộc bà H và bà D2 tiếp tục giao nộp theo quy định của pháp luật.

[4] Về nhân thân của các bị cáo:

Các bị cáo Đặng Kim N, Trần Thị Mỹ L và Đỗ Thị Kiều T1 đã bị cơ quan có thẩm quyền xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc nên các bị cáo được xem là có nhân thân không tốt.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: ngoài tình tiết định tội, các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo Đặng Kim N, Trần Thị Mỹ L và Đỗ Thị Kiều T1 phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Quá trình giải quyết vụ án, bị cáo L cung cấp giấy khám bệnh và cho rằng hiện nay bị cáo đang điều trị bệnh tiểu đường tuýp 2, sức khỏe của bị cáo không tốt, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo L cung cấp giấy khám bệnh của Trung tâm y tế huyện C, Bến Tre hiện đang điều trị bệnh tiểu đường tuýp 2, tăng Lipid máu, cao huyết áp ... nên được xem là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Quá trình giải quyết vụ án, bị cáo Tiên cung C1 giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân xã P, Chợ L, Bến Tre về việc bị cáo T1 hiện nay là lao động chính trong gia đình, bị cáo nuôi người thân (dì của bị cáo) đang bệnh nặng. Tại phiên tòa, bị cáo T1 trình bày hiện đang nuôi ba con nhỏ (sinh năm 2008, 2010, 2012) nên được xem là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Quá trình giải quyết vụ án, bị cáo N cung cấp giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân xã P, Chợ L, Bến Tre về việc gia đình bị cáo hiện nay khó khăn nên được xem là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[7] Qua phân tích các tình tiết nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo N, L, T1 phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc không lớn, các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có khả năng tự cải tạo và việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội nên không cần phải bắt chấp hành hình phạt tù mà cho bị cáo hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách, việc thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo luật định, giao các bị cáo cho chính quyền nơi cư trú phối hợp với gia đình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách cũng đủ điều kiện để cảm hóa, giáo dục các bị cáo trở thành người công dân tốt có ích cho xã hội. Tuy nhiên, xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo N tham gia đánh bạc (tự chính) nhiều ván bài tại chiếu bạc “tiền lên” với số tiền dùng để đánh bạc là 200.000 đồng, trong khi bị cáo T1 và bị cáo L tham gia một ván bài tại chiếu bạc bình Ấn Độ với số tiền dùng để đánh bạc là 10.000 đồng (của

bị cáo T1) và 26.000 đồng (của bị cáo L). Do đó, hình phạt của bị cáo N cao hơn bị cáo T1 và bị cáo L.

Theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo phù hợp với nhận định, phân tích của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Hình phạt bổ sung: Xét thấy hành vi đánh bạc của các bị cáo là một trong những tệ nạn xã hội cần bài trừ nên phải có mức hình phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo để góp phần răn đe trong xã hội hiện nay.

Do đó, buộc các bị cáo nộp hình phạt bổ sung là tiền sung công quỹ nhà nước.

Theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về hình phạt đối với bị cáo T1, bị cáo L là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo phù hợp với nhận định, phân tích của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận. Tuy nhiên, như phân tích trên, do bị cáo N tham gia đánh bạc nhiều ván và số tiền dùng đánh bạc nhiều hơn bị cáo T1, bị cáo L nên áp dụng hình phạt bổ sung của bị cáo N cao hơn bị cáo T1, bị cáo L là phù hợp.

[9] Về xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp:

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã thu giữ và trao trả lại những tài sản không phải là vật chứng của vụ án cho chủ sở hữu, gồm:

- + Trả lại cho bà Đỗ Thị H số tiền 3.018.000 đồng;
 - + Trả lại cho ông Đỗ Văn N2 số tiền 929.000 đồng;
 - + Trả lại cho ông Phạm Văn D3 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A03s;
 - + Trả lại cho ông Đỗ Văn N3 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đen, loại phím nhấn, số IMEI 1: 357282054935880, số IMEI 2: 357282054935898, đã qua sử dụng;
 - + Trả lại cho bà Kiên Ngọc D2 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A54;
 - + Trả lại cho ông Trần Văn V 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đen, số IMEI: 353120119146123, đã qua sử dụng;
 - + Trả lại cho bị cáo Đặng Kim N 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu xanh trắng và 01 xe mô tô hai bánh nhãn hiệu Suzuki, số loại Hayate biển số 71C4 - 016.25;
 - Đối với vật chứng của vụ án gồm:
 - 02 bộ bài tây, mỗi bộ 52 lá, đã qua sử dụng;
- Hội đồng xét xử xét thấy các vật chứng nêu trên không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu, tiêu hủy.

Đối với số tiền các bị cáo cùng các đối tượng tham gia đánh bạc nên cần tịch thu sung quỹ như sau:

- + Số tiền 140.000 đồng (thu giữ tại nơi đánh bạc);
 - + Số tiền 220.000 đồng do Phạm Văn D3 giao nộp;
 - + Số tiền 110.000 đồng do Đỗ Văn N3 giao nộp;
 - + Số tiền 120.000 đồng do Kiên Ngọc D2 giao nộp;
 - + Số tiền 80.000 đồng do Trần Văn V giao nộp;
 - + Số tiền 50.000 đồng do Lê Thị Lệ T4 giao nộp;
 - + Số tiền 40.000 đồng do Võ Văn H1 giao nộp;
 - + Số tiền 10.000 đồng do Đỗ Thị Kiều T1 giao nộp;
 - + Số tiền 26.000 đồng do Trần Thị Mỹ L giao nộp;
 - + Số tiền 200.000 đồng do Đặng Kim N giao nộp;
- Tổng số tiền là 996.000 đồng.

Buộc bà Đỗ Thị H còn nộp tiếp số tiền 60.000 đồng và bà Kiên Ngọc D2 còn nộp tiếp 20.000 đồng.

[10] Về án phí hình sự: các bị cáo phải nộp theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuy nhiên, bị cáo T1 thuộc hộ nghèo nên được miễn án phí.

Bị cáo L là người cao tuổi nên được miễn án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuyên bố các bị cáo Đặng Kim N, Trần Thị Mỹ L và Đỗ Thị Kiều T1 phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt: Bị cáo N 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án là ngày 03/12/2024.

Xử phạt: Bị cáo T1 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án là ngày 03/12/2024.

Xử phạt: Bị cáo L 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án là ngày 03/12/2024.

Giao bị cáo Đặng Kim N, Đỗ Thị Kiều T1 cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre phối hợp cùng với gia đình để giám sát, giáo dục bị cáo N, T1 trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Trần Thị Mỹ L cho Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre phối hợp cùng với gia đình để giám sát, giáo dục bị cáo L trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

- Căn cứ vào Điều 32, khoản 3 Điều 35; khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự, xử phạt bổ sung:

Bị cáo N với số tiền 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng) để sung công quỹ nhà nước.

Bị cáo T1 với số tiền 10.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng) để sung công quỹ nhà nước.

Bị cáo L với số tiền 10.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng) để sung công quỹ nhà nước.

[2] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47, Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Ghi nhận Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C, tỉnh Bến Tre đã trả lại cho:

- + Trả lại cho bà Đỗ Thị H số tiền 3.018.000 đồng;
- + Trả lại cho ông Đỗ Văn N2 số tiền 929.000 đồng;
- + Trả lại cho ông Phạm Văn D3 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A03s;

- + Trả lại cho ông Đỗ Văn N3 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đen, loại phím nhấn, số IMEI 1: 357282054935880, số IMEI 2: 357282054935898, đã qua sử dụng;

- + Trả lại cho bà Kiên Ngọc D2 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A54;
- + Trả lại cho ông Trần Văn V 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đen, số IMEI: 353120119146123, đã qua sử dụng;

- + Trả lại cho bị cáo Đặng Kim N 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu xanh trắng và 01 xe mô tô hai bánh nhãn hiệu Suzuki, số loại Hayate biển số 71C4 - 016.25;

- Tịch thu tiêu hủy: 02 bộ bài tây, mỗi bộ 52 lá, đã qua sử dụng;

(Theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 01/11/2024 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C, tỉnh Bến Tre và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre).

- Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 996.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000451 ngày 01/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách, Bến Tre.

- Buộc bà Đỗ Thị H còn phải nộp số tiền đánh bạc là 60.000 đồng (sáu mươi ngàn đồng).

- Buộc bà Kiên Ngọc D2 còn phải nộp số tiền đánh bạc là 20.000 đồng (hai mươi ngàn đồng).

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo Đặng Kim N phải nộp án phí số tiền là 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng).

Bị cáo T1 thuộc hộ nghèo nên được miễn án phí.

Bị cáo L là người cao tuổi nên được miễn án phí.

[4] Về quyền kháng cáo: các Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 03/12/2024).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Bị cáo; người liên quan;
- VKSND huyện Chợ Lách;
- Công an huyện Chợ Lách;
- Chi cục THADS huyện Chợ Lách;
- TAND tỉnh Bến Tre; VKSND tỉnh
- Sở tư pháp tỉnh Bến Tre;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tuyết Nga

